TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2021/QĐST-HNGĐ	*Thạnh Phú, ngày 25 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị H, sinh năm: 1984; ĐKTT: 172/2 ấp A, xã , huyện T, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ A 128/3 ấp 4 (ấp Th), Thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1979; địa chỉ: 172/2 ấp A, xã , huyện T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội V, địa chỉ: 169 Phố L, Phường H, Quận H, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh D, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T; địa chỉ: 253/3 Trần Thị T, khu phố A, Thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

- Ông Châu Phú T, sinh năm: 1965; địa chỉ: 59/2 khu phố 2, Thị trấn , huyện T, tỉnh B.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977; địa chỉ: 126/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1990; địa chỉ: 24/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1957 và bà Liêu Thị C, sinh năm: 1961; cùng địa chỉ: 6/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 115 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị La Thị H và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: chị La Thị H và anh Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

Chị H và anh C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

- Về con chung: cháu Nguyễn Trương D, sinh ngày: 11/01/2002 đã trưởng thành chị H và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Chí T, sinh ngày 22/08/2004 và ghi nhận việc chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

- Về tài sản chung: chị La Thị H và anh Nguyễn Văn C cùng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: anh Nguyễn Văn C và chị La Thị H có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội V - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T tính đến ngày 15/01/2021 với tổng số tiền 28.179.507 đồng gồm: nợ gốc 28.000.000 đồng và 179.507 đồng tiền lãi, thời hạn trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng chính sách xã hội V - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T cùng chị H, anh C thống nhất phần nghĩa vụ trả nợ của mỗi người cụ thể như sau:

+ Chị H có nghĩa vụ trả 14.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 16/01/2021 với mức lãi suất 0,975%/tháng cho đến khi thi hành xong, thời hạn trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật,

+ Anh C có nghĩa vụ trả 14.179.507 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 16/01/2021 với mức lãi suất 0,975%/tháng cho đến khi thi hành xong, thời hạn trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật,

- Đối với các khoản nợ mà anh Nguyễn Văn C trình bày gồm: nợ ông Châu Phú T, anh Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T, bà Liêu Thị C, ông Nguyễn Văn G do ông Châu Phú T, anh Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T, bà Liêu Thị C, ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Ghi nhận việc ông Châu Phú T, anh Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T, bà Liêu Thị C, ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng, chị La Thị H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003273 ngày 28 tháng 10 năm

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, còn lại số tiền 150.000 đồng) được hoàn trả cho chị La Thị H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H chịu 350.000 đồng, anh C chịu 354.487 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung